ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2008/QĐ-UBND	*Đà Lạt, ngày 07 tháng 8 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt giải tại các cuộc thi đấu thể thao

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QHK XI ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao; Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT, ngày 09/4/2007 của liên Bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội - Ủy ban Thể dục Thể thao về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1139/TTr-STC ngày 08/7/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khen thưởng đối và vận động viên, huấn luyện viên đạt giải tại các cuộc thi đấu thể thao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt giải tại các cuộc thi đấu thể thao

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2008/QĐ-UBND này 07 th áng 8 n ăm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chế độ khen thưởng đối với các vận động viên, huấn luyện viên đạt giải tại các cuộc thi đấu thể thao nhằm mục đích:

- Động viên, khuyến khích các vận động viên, huấn luyện viên đã đạt được thành tích trong thi đấu thể thao.

- Bảo đảm chế độ khen thưởng được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng quy định này là các vận động viên, huấn luyện viên đạt huy chương vàng, bạc, đồng trong thi đấu thể thao tại giải vô địị quốc gia, giải trẻ quốc gia và các giải thi đấu cấp tỉnh.

Điều 3. Phạm vi áp dụng:

- Các giải thi đấu thể thao do cấp quốc gia và cấp tỉnh tổ chức; hỗ trợ thêm đối với giải quốc tế;

- Đối với các giải do cấp huyện, xã và ngành tổ chức: tùy theo khả năng tài chính, tính chất quy mô của giải để quy định cụ thể mức khen thưởng nhưng tối đa không quá 75% mức chi tại Quy định này đối với các giải cấp huyện, ngành và không quá 50% đối với các giải cấp xã.

Chương II
MỨC KHEN THƯỞNG TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU CẤP QUỐC TẾ, KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

Điều 4. Vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc tế khu vực và các giải thi đấu cấp quốc gia:

Chế độ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao; Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT ngày 09/4/2007 của liên Bộ Tài chính - Lao động Thương binh Xã hội - Ủy ban Thể dục Thể thao về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Ngoài chế độ khen thưởng của Trung ương, nhằm khích lệ, động viên các vận động viên, huấn luyện viên của Lâm Đồng đạt giải, UBND tỉnh xem xét khen thưởng thêm tối đa không quá 30% mức khen thưởng của Trung ương.

Điều 5. Mức thưởng đối với vận động viên của tỉnh lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia hoặc Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:

1. Đối với cá nhân vận động viên đạt giải:

a) Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc:

- Huy chương vàng: 5.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 3.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 2.000.000 đồng.

b) Các giải quốc gia (vô địch, cúp, câu lạc bộ):

- Huy chương vàng: 4.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 2.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.500.000 đồng.

Vận động viên phá kỷ lục quốc gia được thưởng thêm 4.000.000đồng ngoài mức thưởng theo huy chương.

c) Các giải khu vực; hội thao; trung cao tuổi, khuyết tật cấp toàn quốc:

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng;
- Huy chương bạc. 1.000.000 đồng;
- Huy chương đồng: 700.000 đồng.

2. Đối với các giải cấp quốc gia có nội dung thi đấu toàn đoàn:

a) Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc:

- Giải nhất: 40.000.000 đồng;
- Giải nhì: 30.000.000 đồng;
- Giải ba: 20.000.000 đồng.

b) Các giải quốc gia (vô địch, cúp, câu lạc bộ):

- Giải nhất: 16.000.000 đồng;
- Giải nhì: 12.000.000 đồng;
- Giải ba: 8.000.000 đồng.

c) Các giải khu vực; hội thao; trung cao tuổi, khuyết tật cấp toàn quốc:

- Giải nhất: 10.000.000 đồng;
- Giải nhì: 8.000.000 đồng;
- Giải ba: 6.000.000 đồng.

3. Đối với môn thể thao tập thể, môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội và chế độ thưởng đối với huấn luyện viên:

Mức thưởng thực hiện theo quy định tại tại điểm 6, 7, 8 mục V, Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH-UBTDTT.

Điều 6. Mức thưởng đối với vận động viên của tỉnh lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch trẻ quốc gia:

a) Vận động viên dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản a, mục 1, Điều 5; cụ thể :

- Huy chương vàng: 1.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 600.000 đồng;
- Huy chương đồng: 400.000 đồng;
- Phá kỷ lục: 800.000 đồng.

b) Vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản a, mục 1, Điều 5; cụ thể :

- Huy chương vàng: 1.500.000 đồng;
- Huy chương bạc: 900.000 đồng;
- Huy chương đồng: 600.000 đồng;
- Phá kỷ lục: 1.200.000 đồng.

c) Vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản a, mục 1, Điều 5; cụ thể:

- Huy chương vàng: 2.000.000 đồng;
- Huy chương bạc: 1.200.000 đồng;
- Huy chương đồng: 800.000 đồng;
- Phá kỷ lục: 1.600.000 đồng.

d) Vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại khoản a, mục 1, Điều 5; cụ thể:

- Huy chương vàng: 2.500.000 đồng;
- Huy chương bạc: 1.500.000 đồng;
- Huy chương đồng: 1.000.000 đồng;
- Phá kỷ lục: 2.000.000 đồng.

Chương III
MỨC KHEN TIIƯỞNG TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU CẤP TỈNH

Điều 7. Các môn thi đấu cá nhân

1. Các môn: việt dã, thể dục thể hình, cờ vua, cờ tướng, quần vợt, cầu lông, bóng bàn, xe đạp, bơi lội:

a) Vận động viên đạt thành tích (giải đơn) mức thưởng:

- Huy chương vàng: 400.000 đồng;
- Huy chương bạc: 300.000 đồng;
- Huy chương đồng: 200.000 đồng.

b) Đối với các môn có giải đôi (cầu lông, quần vợt, bóng bàn...) mức thưởng:

- Huy chương vàng: 500.000 đồng;

- Huy chương bạc: 400.000 đồng;

- Huy chương đồng: 300.000 đồng.

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội tại các giải vô địch cấp tỉnh (là những môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng:

- Huy chương vàng: 600.000 đồng;

- Huy chương bạc: 500.000 đồng;

- Huy chương đồng: 400.000 đồng.

d) Đối với các môn thể thao có giải toàn đoàn tại các giải vô địch cấp tỉnh (là những môn thi đấu mà thành tích toàn đoàn được tính bằng cách cộng điểm hoặc cộng huy chương thành tích thi cá nhân và đồng đội thành điểm hoặc huy chương của toàn đoàn) mức thưởng:

- Giải nhất: 800.000 đồng;

- Giải nhì: 600.000 đồng;

- Giải ba: 400.000 đồng.

2. Các môn võ, vật; các giải quản lý trung, cao tuổi; giải thể thao dành cho người khuyết tật và giải thể thao theo các lứa tuổi:

a) Vận động viên đạt thành tích (giải đơn) mức thưởng:

- Huy chương vàng: 300.000 đồng;

- Huy chương bạc: 200.000 đồng;

- Huy chương đồng: 150.000 đồng.

b) Đối với các môn có giải đôi, mức thưởng:

- Huy chương vàng: 400.000 đồng;

- Huy chương bạc: 300.000 đồng;

- Huy chương đồng: 200.000 đồng.

c) Đối với các môn có nội dung thi đấu đồng đội, mức thưởng:

- Huy chương vàng: 500.000 đồng;

- Huy chương bạc: 400.000 đồng;

- Huy chương đồng: 300.000 đồng.

d) Đối với các môn có giải toàn đoàn, mức thưởng:

- Giải nhất: 600.000 đồng;

- Giải nhì: 500.000 đồng;

- Giải ba: 400.000 đồng.

3. Vận động viên đạt thành tích tại các giải trẻ các môn: việt dã, thể dục thể hình, cờ vua, cờ tướng, quần vợt, cầu lông, bóng bàn, xe đạp, bơi lội cấp tỉnh mức thưởng tối đa không quá 50% mức thưởng tương ứng của các giải vô địch cấp tỉnh.

- Vận động viên đạt thành tích tại các giải trẻ của các môn võ mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng tương ứng của giải các môn võ.

- Vận động viên đạt thành tích tại các môn thi đấu trong Đại hội Thể dục Thể thao cấp tỉnh mức thưởng bằng 130% mức thưởng tương ứng với từng nội dung thi đấu của giải vô địch cấp tỉnh.

Điều 8. Các môn thi đấu tập thể

1. Bóng đá:

a) Các đội đạt thành tích tại giải vô địch bóng đá nam toàn tỉnh (sân lớn 11 người) mức thưởng:

- Giải nhất: 5.000.000 đồng;
- Giải nhì: 4.000.000 đồng;
- Giải ba: 3.000.000 đồng;
- Giải phong cách (hoặc khuyến khích): 1.500.000 đồng;
- Các giải cá nhân (cầu thủ hoặc thủ môn xuất sắc...): 500.000 đồng.

b) Các đội đạt thành tích tại giải bóng đá sân lớn (11người): giải B, giải bóng đá nữ, thanh niên dân tộc thiểu số mức thưởng:

- Giải nhất: 3.000.000 đồng;
- Giải nhì: 2.000.000 đồng;
- Giải ba: 1.500.000 đồng;
- Giải phong cách (hoặc khuyến khích): 1.000.000 đồng;
- Các giải cá nhân (cầu thủ hoặc thủ môn xuất sắc...): 300.000 đồng.

c) Các đội đạt thành tích tại giải bóng đá trẻ, năng khiếu (11 người) toàn tỉnh được hưởng mức thưởng không quá 50% mức thưởng của giải vô địch bóng đá nam toàn tỉnh.

d) Các đội đạt thành tích tại giải bóng đá 7 người được hưởng mức thưởng tối đa không quá 40% và giải bóng đá 5 người được hưởng mức thưởng tối đa không quá 30% mức thưởng tương ứng của giải vô địch bóng đá nam toàn tỉnh

e) Các đội đạt thành tích tại giải bóng đá nam Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng bằng 130% mức thưởng tương ứng tại giải vô địch bóng đá nam toàn tỉnh.

2. Bóng chuyền:

a) Các đội đạt thành tích tại giải vô địch bóng chuyền nam hạng A mức thưởng:

- Giải nhất: 3.000.000 đồng;
- Giải nhì: 2.000.000 đồng;
- Giải ba: 1.500.000 đồng;
- Giải phong cách (hoặc khuyến khích): 800.000 đồng;
- Các giải cá nhân: 500.000 đồng.

b) Các đội đạt thành tích tại các giải bóng chuyền nam hạng B; giải bóng chuyền nữ; giải bóng chuyền thanh niên dân tộc thiểu số và giải bóng rổ toàn tỉnh mức thưởng:

- Giải nhất: 2.000.000 đồng;
- Giải nhì: 1.500.000 đồng;
- Giải ba: 1.000.000 đồng
- Giải phong cách (hoặc khuyến khích): 500.000 đồng;
- Các giải cá nhân: 300.000 đồng.

c) Các đội đạt thành tích tại các giải bóng chuyền, bóng rổ trẻ, năng khiếu toàn tỉnh được hưởng mức thưởng tối đa không quá 50% mức thưởng của giải vô địch bóng chuyền nam hạng A.

d) Các đội đạt thành tích tại giải bóng chuyền nam hạng A trong Đại hội Thể dục Thể thao cấp tỉnh được hưởng mức thưởng bằng 130% mức thưởng tương ứng tại giải vô địch bóng chuyền nam hạng A.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm thanh toán chế độ khen thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên đạt giải tại các cuộc thi đấu thể thao theo đúng quy định hiện hành.

Điều 10. Nguồn kinh phí chi trả

Nguồn kinh phí chi trả chế độ khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc gia, cấp tỉnh được cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm của sự nghiệp thể dục thể thao.

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch tổ chức và thi đấu thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập dự toán chi khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên và tăng hợp vào dự toán ngân sách ngành thể dục thể thao, gửi Sở Tài chính để xem xét, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Đối với các giải thi đấu do cấp huyện, xã và ngành tổ chức, nguồn kinh phí chi khen thưởng do cấp ngân sách đó bảo đảm trong dự toán ngân sách hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Riêng mức khen thưởng của tỉnh ngoài mức thưởng của Trung ương cho các vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc tế do Quỹ Thi đua Khen thưởng của tỉnh chi trả.

Đối với các giải thể thao do các doanh nghiệp tổ chức, khen thưởng cho các vận động viên, huấn luyện viên có thể vận dụng theo các mức chi tại Quy định này và do doanh nghiệp chi trả./-

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(*Đã ký*)

Huỳnh Đức Hòa